

# ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH TÙY SỐ DIỄN NGHĨA SAO

## QUYỂN 86

Số từ câu: “Nay nói về phần một. Gọi là phẩm Luân Tự” tiếp xuống: Văn nơi phần Số giải gồm hai:

Một: Nêu rõ về tướng của nghĩa.

Hai: Biện giải về thứ lớp.

Nơi phần một gồm hai chi tiết:

Thứ nhất: Nêu ra kiến giải đã có từ trước.

Thứ hai: Từ câu: “Nay lại dựa nơi Kinh Tỳ-lô-giá-na” tiếp xuống: Là bàn rộng về kiến giải hiện tại. Phần này gồm ba:

Một là: Nêu ý.

Hai là: Từ câu: “Như khởi đầu” tiếp xuống: Là biện giải về tướng của chữ.

Ba là: Từ câu: “Chữ ấy, phần sau với nghĩa sâu xa” tiếp xuống: Là biện giải về nghĩa của chữ. Văn đều có thể nhận biết.

Số từ câu: “Sở dĩ nối tiếp phần trước mà biện giải như thế” tiếp xuống: Là phần hai, biện giải về thứ lớp.

Trước là nêu câu hỏi. Sau là giải đáp. Tức ngầm dùng ý nơi kinh Tỳ-lô-giá-na. Đoạn kinh ấy có kệ viết:

*“Tướng thâm diệu: Vô tướng*

*Tuệ kém, chẳng kham nổi.*

*Vì giáo hóa các loài.*

*Gồm giữ nói Có, Không”.*

**Giải thích:** “Nhờ nơi chữ” (để biểu thị nghĩa) tức giữ lấy có. Trí Vô tướng tức giữ lấy không. Như có kệ viết:

*“Tám cánh sen trắng một thời nở*

*Hiện rõ chữ A sắc sáng trắng”.*

Tức là giữ lấy Có. Chữ A biểu thị cho nghĩa Vô sinh, tức giữ lấy Không Lãnh hội cả hai là chẳng hai tức là Trung đạo.

Số câu: “Lại vì Tổng trì nên khiến chẳng mất”:



Tức vào nẻo Tục, giáo hóa, dẫn dắt với sự sai biệt của Tổng trì.

Từ câu: “Đã là người biết về thuốc” tiếp xuống: Là căn cứ trực tiếp nơi Có mà nói.

Từ câu: “Trong Thánh giáo sinh ra” tiếp xuống: Là căn cứ nơi sự biểu thị về quả vị mà nêu bày.

Sớ câu: “Nhưng chữ tức bốn mươi hai chữ”: Tức như chỗ nói về các tài nghệ đã nêu. Mười bốn âm thì nơi địa thứ nhất đã biện minh.

Sớ câu: “Năm là giảng giải về chỗ sâu xa bí mật”: Lược có ba nghĩa: Một: Giảng giải về lý trí. Tức Sự mà là Chân như. ba đức nơi Niết-bàn gọi là Tạng Bí mật.

Hai: Ý bí mật

Ba: Gồm đủ ba mật.

Sớ câu: “Tuổi lớn đức cao” (Niên kỳ đức ngải): Kỳ tức là lớn. Ngải là Già, lớn.

Nói: “Sự lớn nơi người”: Tức tuổi và đức cùng cao.

Sớ câu: “Đều là độ thoát v.v...”: Văn nơi kinh đầy đủ là: “Thế nào là Bồ-tát gồm đủ phương tiện Trụ? Bồ-tát ấy tu tập các thiện căn đều nhằm: Một là để cứu giúp tất cả chúng sinh.

Hai là: Tạo lợi ích.

Ba là: An lạc.

Bốn là: Thương xót.

Năm là: Độ thoát.

Bốn câu trên (hai-năm) đều giống với câu đầu có cụm từ “Tất cả chúng sinh”.

Sáu là: Khiến tất cả chúng sinh lìa các tai nạn.

Bảy là: Ra khỏi nẻo khổ của sinh tử.

Tám là: Phát sinh tin tưởng thanh tịnh.

Chín là: Thấy được điều phục.

Mười là: Đều chứng đắc Niết-bàn.

Từ câu bảy - mười đều giống với câu thứ sáu có: “Khiến tất cả chúng sinh”.

Nay phần Sớ giải tùy chỗ thuận hợp mà nêu dẫn hai câu.

Sớ câu: “Thứ năm là Trưởng giả Giải thoát dựa nơi phương tiện trụ đầy đủ”: Tức mang Chân tùy thuận Tục, học tập Vô lượng thiện xảo giáo hóa mà không chấp trụ.

Sớ câu: “Tức tóm kết tướng của sự phát tâm ở trước để làm đầu mối của sự thỉnh hỏi”; Như phần trước của Kinh đã nói: “Vì nhằm hội nhập trong Tạng thanh tịnh, dùng tất cả Tướng để trang nghiêm”. Tức

để thỉnh hỏi: “Làm thế nào để có thể hội nhập nơi Tạng thanh tịnh?”. Phần còn lại đều phỏng theo đấy.

Sớ câu: “Gọi là sự trang nghiêm vô ngại của Như Lai gồm có năm nghĩa”: Nhưng trong văn đều bao hàm như nghĩa thứ nhất: “Như Lai gồm đủ sự trang nghiêm vô ngại”. Tức nơi phần kinh ở trên viết: “Vô số thứ Ánh sáng các sự trang nghiêm. Hoặc nhân hoặc quả, hoặc chánh báo hoặc y báo. Tức là sự trang nghiêm vô ngại.

Hai: Mỗi mỗi Như Lai cùng biến hiện khắp một cách vô ngại, do trong Thân hiện bày mười phương, mỗi phương đều có số lượng Phật nhiều như số vi trần nơi mười cõi Phật, tất cả đều không lẫn lộn.

Ba: cùng với Thân của Trưởng giả không ngăn ngại, do Thân chẳng lớn mà cõi chẳng nhỏ, cũng không có đến, đi, cùng biến hiện vô ngại. Tức dùng Thân bao hàm cõi nhập nơi cõi của trong Thân, nên không gì là không đủ khắp, là trong, ngoài, một, nhiều vô ngại. Kinh với bản dịch mới, nói: “Thân cùng với cõi Phật hỗ tương, hội nhập không tạo chướng ngại nhau”. Tức ở đây nên có nghĩa “trùng trùng”. Nghĩa là: Thâmbao hàm cõi hội nhập nơi cõi trong Thân. Thân của trong cõi nơi Thân cũng là chủ thể dung nạp cõi. Cõi của đối tượng được dung nạp cũng là chủ thể của Thân. Cho nên Thân Thân vô cùng, cõi cõi vô tận.

Bốn: “Trưởng giả nhận thấy thấu suốt”. Kinh viết: “Cũng thấy chư Phật thành chánh giác v.v... Hãy còn khiến cho đồng tử Thiện Tài thấy nghe, hưởng chi là Trưởng giả! Nên phần sau, ra khỏi định nói: “Ta nhập, xuất định nầy tức thấy thế giới Diêm Phù Đà Kim Quang Minh ở phương Đông có đức Như Lai Long Tự Tại Vương. Cũng như thế, mười phương chư Phật, muốn thấy liền thấy...”

Năm: Trưởng giả với Trí giữ gìn không ngăn ngại, do là diệu lực của Tam muội duy Tâm, do đó, ra khỏi định đã có thể giữ gìn, có thể thuyết giảng.

Sớ câu: “Nên nói Vô ngại là gồm luôn việc đạt được pháp Toàn Tổng Trì”: Tức nơi nghĩa thứ năm không trái với trước: “Thâu tóm khắp vô biên Toàn Đà-la-ni nơi tất cả cõi Phật”. Là cùng hiển bày trong định với nghĩa thâu tóm khắp cõi Phật, mà chỗ giữ gìn của Trí ấy không trái với pháp Tổng Trì.

Sớ câu: “Đã thấu tỏ cảnh chính là Tâm v.v...”: Phần kinh ở trên viết:

*“Như người muốn thấu rõ  
Tất cả Phật ba đời  
Nên quán tánh Pháp giới*

*Hết thấy chính Tâm tạo”.*

Nói: “Thấu tỏ Tâm tức Phật”: Kinh viết: “Như Tâm, Phật cũng thế. Như Phật, chúng sinh cũng vậy. Cho nên biết Phật cùng Tâm, Thể Tánh đều Vô tận”. Đã biết Cảnh tức Tâm, Tâm tức là Phật, nên không Cảnh nào chẳng phải là Phật. Huống chi là Tâm -Tâm? Thêm nữa, chí chuyên nhất không loạn, tinh thần đạt tới chỗ vi diệu. Phật ứng hợp tấm lòng thành thì cái gì mà chẳng thấy!

Sớ câu: “Thứ nhất là biện minh chung về Tướng không đến đi”: Tức là Thể Tánh tịch diệt.

Sớ câu: “Thấu rõ Tướng ấy rỗng lặng, chỉ là Tâm hiện bày”: Do ngã tức là Tâm vắng lặng. Tác động vào đấy, là diệu dụng của Thể, nên chủ thể niệm, đối tượng được niệm sao có tướng động tĩnh?

Sớ từ câu: “Một, như mộng đối” tiếp xuống: Bốn dụ ở đây chỉ có Ảnh là dụ riêng. Ba dụ còn lại đều là dụ chung. Nếu dựa theo bản dịch mới thì hai dụ về Mộng, Tiếng vang gồm đủ chung và riêng. Hai dụ về Ảnh, Huyền chỉ là riêng không có chung. Nay nói về thứ nhất là dụ về Mộng, nơi kinh kia là dụ riêng, viết: “Như chỗ thấy trong mộng, từ phân biệt mà sinh. Thấy tất cả Phật, từ tự Tâm khởi”: Hai câu trên là dụ. Hai câu dưới là Hợp. Tức Cảnh nơi Mộng dụ cho Phật. Phân biệt về nhân của Mộng dụ cho Tâm của Chủ thể Niệm. Cho nên kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói: “Tâm ấy là Phật. Tâm ấy làm Phật. Chư Phật chánh biến tri từ Tâm tướng sinh, duyên sinh chẳng phải là thật nên chủ thể nhận thức, đối tượng được nhận thức đều rỗng lặng, không đến đi”.

Sớ từ câu: “Kinh Ban Châu Tam muội nói” tiếp xuống: Là dẫn chứng. Kinh này có ba quyển, tên kinh là: “Kinh Thập Phương Hiện tại Phật Tất tại tiền lập định”, do Sa môn Chi Lôu Ca Sấm dịch vào đời Hậu Hán. Kinh được thuyết giảng nơi vườn Trúc Ca Lân thuộc thành La Duyệt Kỳ (Vương Xá), Bồ-tát Bạt Đà Hòa thưa hỏi. Phẩm thứ nhất, là Vấn sự. Nay nơi phần Sớ giải nêu dẫn cũng là quyển thứ nhất phẩm Hành. Quyển thứ hai, Phật trước hết khiến xa Ác, gần Thiện, tu tập pháp Tam muội Niệm Phật ấy, nên nêu lên các dụ để chỉ rõ về Tướng của việc Niệm Phật. Văn của Kinh diễn rộng, bao quát, nay phần Sớ giải chỉ lược dẫn...

Sớ câu: “Hai là trong đối của Nước, Ảnh...”: Đây chính là dụ riêng. Tâm chỉ dụ cho nước, là duyên của Ảnh. Nếu chọn lấy ý chung thì Tâm, Phật đều là Ảnh. Nhưng nơi kinh bản dịch mới cũng là dụ riêng, mà thêm về đồ vật chứa đựng để dụ cho thân thanh tịnh. Nước

ở vật chứa dựa nơi sông suối v.v... Đều có thể xem là vật chứa đựng. Nhưng nơi Kinh Ban Châu cũng có dụ về Ảnh, gồm đủ Trăng của Nước, hình tượng nơi Gương để dụ cho chỗ tự thấy chẳng phải là từ bên ngoài vào, chẳng phải từ bên trong ra. Chính là so với phần Sở giải tức đồng, nêu rõ chẳng phải là vào ra, gồm luôn nghĩa duy Tâm.

Sở câu: “Chỗ định tán của Tâm dựa theo dụ để xét, chọn”: Nhưng Nước có bốn loại: Trong, đục, động, tĩnh.

Phần Sở giải, trong sự kết hợp, chỗ đục của Nước đối với trước là sạch trong. Sóng vọt lên đối nơi đầm nước trong lặng. Dùng pháp theo dụ chung cho hai nghĩa:

Một: Có phiền não (Hoặc), không tin tưởng, là đục.

Hai: Có tin tưởng, không phiền não là trong.

Tán loạn là động. Có định là tĩnh. Bốn sự kết hợp, liên hệ tạo thành nhiều câu số:

Thứ nhất: Nước đục mà động. Như sông Hoàng Hà chảy cuộn cuộn. Đây là dụ có phiền não, không tin tưởng, lại nhiều loạn tưởng.

Thứ hai: Đục mà không động. Như sông Hy Nê không có sóng. Dụ như có phiền não, không tin, cùng không duyên dựa. Nhưng một câu này về chi tiết gồm có nhiều nghĩa: 1) Có phiền não Hoặc mà tĩnh. 2) Không có tin tưởng mà tĩnh, mà là định trong ngu si. 3) Thanh tịnh mà động là dụ cho không có phiền não Hoặc, có tin tưởng mà nhiều giác quan. Đối với nghĩa thứ hai ở trên cũng có ba nghĩa: 1) Không phiền não Hoặc mà loạn. 2) Có tin tưởng mà loạn. 3) Hiểu thấu suốt mà loạn. 4) Thanh tịnh mà tĩnh, dụ cho không có phiền não Hoặc có tin tưởng mà định. Tóm lược nêu ra định và loạn thật sự bao hàm cả trong và đục. Nhưng như nghĩa thứ nhất tức là người giả sử có niệm Phật, mà thấy Phật như bóng đèn bước đi, hay sáng rõ chẳng định. Nghĩa thứ hai như người niệm Phật thấy Phật như một khối sắc màu tro than, đứng yên bất động. Nghĩa thứ ba như người niệm Phật, thấy thân tướng tốt đẹp của Phật, mà chợt có chợt không, thoát gần, thoát xa. Nghĩa thứ tư như người niệm Phật thấy thân sắc tướng đoan nghiêm của Phật, trụ lại chẳng loạn, càng thấy tâm càng tịnh, càng quán càng sáng. Nay đồng với nghĩa thứ tư niệm thấy. Vì vậy kinh Pháp Hoa nói: “Nhập sâu trong thiền định thấy Phật ở mười phương? Cho nên Sở nói: “Chỗ định tán của tâm dựa theo dụ để xét chọn” Song về ý chính thì Phật đã như hình bóng, làm gì còn có, không, một, nhiều, hơn, kém, đến, đi, ra, vào v.v... các tướng trạng. Như thế tức là thành tựu quán Trung đạo, chẳng phải có, chẳng phải không; Nếu nước dụ cho tâm tánh, thì Phật là bóng

trắng, đều là vật hiển hiện trong chân tâm của chúng sinh, tâm, Phật thông suốt chân thật là tâm (duy tâm).

Sớ câu: “Ba là đối “như Huyền”: Chỉ có thí dụ chung. Kinh bản dịch mới có thí dụ riêng nói: “Lại biết tâm của mình cũng như trò huyền thuật, biết rõ những việc làm như huyền ảo của tất cả chư Phật. Nghĩa là có pháp là chủ thể huyền thì mới có sự việc huyền. Như vậy, không có tâm là chủ thể niệm, tức không có Phật là đối tượng niệm. Trong Sớ giải nêu đầy đủ ba pháp Quán: Đầu tiên là quán không. tiếp từ câu: “Nhưng không thể có tướng huyền” là nói về quán giả. Câu “Chính là thí dụ”: Tức nói về Trung đạo.

Sớ câu: Bốn là đối “như tiếng vang” cũng chỉ là thí dụ chung Kinh bản dịch mới có thí dụ riêng nói: Ví như hang trống tùy theo âm thanh phát ra tiếng vang. Hiểu rõ được tâm cũng mình tùy thuận niệm mà thấy Phật.

**Giải thích:** Đây chỉ có một nghĩ tức pháp thân Phật như hang trống, tâm của mình như âm thanh phát ra, thấy Phật như tiếng vang vọng lại, tương ứng.

Nhưng phần Sớ giải thích về dụ của Tướng chung nơi kinh, Tâm Phật đều là tiếng vang nên dùng hai câu để giải thích.

Thứ nhất: Dụ Phật như tiếng vang, tức Hang v.v... giống như trên.

Thứ hai: Từ câu: “Do Phật làm duyên” tiếp xuống: Là dụ cho Tâm như tiếng vang tức cho Tâm thanh tịnh của tự tánh là hang rỗng, Phật ứng hợp là âm thanh phát khởi, thấy tâm Phật tức như tiếng vang, do đó, phần Sớ giải tóm kết viết: “Đây chính là tổng quát thí dụ nghĩa duyên thành tự”.

Tuy nhiên, Âm thanh, Hang rỗng cũng đều dụ cho nghĩa duyên thành tự. Âm thanh, Hang rỗng đều là duyên để dụ cho hai Tâm làm duyên mà có Phật là tiếng vang. hai Phật là duyên mà Tâm được thấy, nên cả hai Phật trên đều là tiếng vang.

“Nhưng bốn dụ trên gọi là đối”: Tuy dụ có ba pháp, nhưng gốc chỉ dụ nơi hai là Tâm, Phật, do vậy, bốn dụ trên đều gồm đủ bốn quán:

Thứ nhất: Dụ chính chỉ là Tâm.

Thứ hai: Chỉ là Tâm nên Không.

Thứ ba: Chỉ là Tâm nên Giả.

Thứ tư: Chỉ là Tâm nên Trung.

Dung thông chẳng ngăn ngại là ý của Hoa Nghiêm. Nhưng nếu đều gồm đủ bốn Quán trên thì sao phải dùng bốn dụ? Là vì gồm luôn

cả nghĩa riêng:

Một là: Nhằm diễn rộng về duy Tâm Vô tánh v.v...

Hai là: Từ chỗ trội hơn nói về bốn nghĩa chẳng đồng. Nghĩa là Mộng dụ cho chẳng đến, chẳng đi. Ảnh dụ cho không ra, không vào. Huyền dụ cho chẳng phải là có, chẳng phải là không. Tiếng vang dụ cho chẳng phải là hợp chẳng phải là tan.

Lại nữa, Mộng dụ cho Tâm ý tán loạn, lời nói phân biệt. Nước dụ cho Tâm định đồng với nước tĩnh lặng. Huyền dụ cho Tâm khởi dụng, như Huyền thuật. Tiếng vang dụ cho Tâm hơn kém, theo niệm mà thấy.

Lại, ba dụ trước là dụ cho việc thấy thân Phật. Một dụ sau gồm luôn dụ cho việc nghe pháp. Trong ba dụ thì Mộng dụ cho Pháp thân, chỉ có tướng thấy nên rốt cuộc là không thấy. Ảnh dụ cho Báo thân, tướng sáng, tĩnh. Huyền dụ cho Hóa thân, theo ý mà thành.

Lại nữa, Huyền dụ cho Tâm ấy làm Phật. Ảnh dụ cho Tâm ấy là Phật. Mộng dụ cho Biển Chánh biến tri của chư Phật, từ Tâm tướng mà sinh tiếng vang dụ cho tùy thuộc tâm hơn kém nên thấy Phật có khác.

Gồm đủ các ý trên nên bốn dụ chẳng đồng, do vậy, phần Sơ giải ở trên đã viết: “Dụ riêng về duy Tâm, gồm luôn việc nêu rõ chẳng ra vào”.

Sơ câu: “Phần sau tóm kết xác nhận về duy tâm”: Tức giải thích Kinh, câu: “Ta như thế là nhớ nghĩ về chỗ thấy chư Phật đều do tự Tâm”. Nhà viết Sơ giải liền dẫn kinh để chứng minh:

Thứ nhất: Là dẫn kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, tóm lược như vừa nêu.

Thứ hai: Là dẫn kinh Ban Chu, dựa nơi Chỉ, Quán, trong đó vẫn có ít, lại tóm lược. Nay sẽ theo thứ lớp để nêu dẫn đủ. Kinh viết: “Cho nên suy niệm: Phật từ nơi nào đến? Đi tới chốn nào? Tự nghĩ Phật không từ chỗ nào đến. Ta cũng không có chỗ tới. Tự suy niệm về ba cõi: Cõi dục, Cõi Sắc, Cõi Vô tướng. Ba cõi ấy là chỗ tạo tác của ý. Chỗ suy niệm của Ta tức thấy Tâm làm Phật. Tự thấy Tâm là Tâm của Phật, là tâm Đát-tát-a-kiệt. Trung hoa dịch là Như Lai. Tâm ta ấy thấu Phật, thì tâm chẳng tự biết tâm, tâm chẳng tự thấy tâm, tâm có tướng là si mê, tâm không tướng là Niết-bàn, pháp ấy không chỉ nêu bày, là đều do suy niệm tạo ra, giả sử niệm ấy là không đó thôi! Giả như có niệm thì cũng thấu rõ không có gì là có. Như thế này Bồ-tát Bạt-đà-hòa! Chỗ thấy trong Tam muội như thế! Bấy giờ Phật nêu kệ tụng rằng: “Tâm chẳng tự biết tâm, tâm chẳng tự thấy tâm, tâm có tướng là si, không tướng tức



Niết-bàn, pháp ấy không bền chắc thường lập niệm ở trước, để hiểu rõ thấy không, tất cả không tưởng niệm”

**Giải thích:** Đối chiếu với phần Sơ giải thì rộng, tóm có thể nhận biết.

Tiếp theo là văn của phần Sơ giải thích.

Một là: Nêu rõ Phật không có đến, đi. Tùy theo niệm tức thấy Phật.

Hai là: Từ câu: “Tâm làm Phật” tiếp xuống: Là biện minh chỉ là Tâm niệm Phật, do Quán thành. Trước hết nhận biết về Tâm của Ta ấy làm Phật, vì ngoài Tâm không Phật, nên chỗ thấy Phật tức là thấy tự Tâm.

Nói: “Là Tâm của Phật”: Tức Tâm Ta và Tâm Phật, Tâm ấy không hai. Nếu thấy Tự Tâm tức là thấy Tâm Phật. Như như tức Phật, nên lược không nêu ra.

Nói: “Là Tâm Ta thấy Phật”: Tức tóm kết, xác nhận chỉ là Tâm. Quyết định là Tâm Ta, thấy ngoài Tâm không có Phật riêng. Cho nên phần Sơ giải tóm kết viết: “Ở trên mới là thâu tóm Cảnh quy về Tâm”. Phần tiếp sau là loại trừ:

Thứ nhất: Loại trừ Tâm tự thấy Tâm ở trên. Tâm là chủ thể thấy. Phật là đối tượng được thấy... Chủ thể đối tượng không phân Tướng kiến ở đây cũng dứt tuyệt.

Thứ hai: Là loại trừ chỗ biết là Tâm ta ở trên, đã biết Chủ thể, đối tượng, nên không còn chỗ nhận biết. Vì thế, phần tóm kết viết: “Có Tướng tức si mê”.

Nhưng kinh Ban Chu Tam muội bản Biệt dịch, do Sa môn Xà na quật đa dịch vào đời Tùy, tức nơi Kinh đại Tập, phần Hiền Hộ có văn, gồm năm quyển, trong đó, phẩm đầu gọi là Tư duy, phẩm thứ hai gọi là Tam muội hành. Nghĩa ở trong đây ở phẩm đầu, phần còn lại có thể nhận biết.

Sớ câu: “Thứ sáu là Tỳ kheo Hải Tràng dựa nơi Chánh Tâm trụ”:

Do thành tựu về Bát-nhã, thấu rõ Tánh của pháp là Không, nên không trụ, không dựa, không tà, không chánh. Nghe khen chê chân chánh, thì Tâm niệm kia chẳng động.

Sớ câu: “Một là định diệt thọ tưởng”: Như nơi phần đầu ủa Phẩm này cùng địa thứ bảy đã nêu.

Chỗ dẫn kinh Tịnh Danh cũng như trước đã nói.

Sớ câu: “Ban bố mười Thiện khiến hưởng về pháp Phật”: Văn nơi

kinh tự gồm đủ. Suy xét kỹ có thể nhận biết.

Sớ câu: “Mười mưa pháp tức mười Trụ”: Xem nơi kinh để thông tỏ.

Sớ câu: “Hiển bày phương tiện hành hóa chẳng lìa Bát-nhã”: Đã rõ Tục do chứng Chân nên nói phần đạt được về sau nêu rõ là chẳng lìa.

Sớ câu: “Có thể nhận biết về biến pháp Phật của ba đời”:

Trên là căn cứ nơi Thiện tri thức để giải thích. Còn đây là căn cứ nơi chỗ biểu thị về quả vị. Kinh viết: “Phật tử! Bồ-tát này nên khuyến khích tu học mười thứ pháp rộng lớn. Những gì là mười? Đó là nói một tức nhiều. Nói nhiều tức một. Văn tùy nơi nghĩa, nghĩa tùy nơi văn. Chẳng phải là có tức có. Có tức chẳng phải là có. Vô tướng tức tướng. Tướng tức vô tướng Vô tánh tức Tánh, Tánh tức Vô tánh, đó tức là Biến pháp rộng lớn”. Phần còn lại có thể theo đấy mà xét.

Sớ câu: “Thứ bảy là Ưu bà di Hưu Xả dựa nơi Bất thối Trụ”: Là hội nhập nơi lý Không rốt ráo của Vô sinh, nên Tâm Tâm luôn hành theo nẻo Không, Vô tướng, Vô Nguyện, Chỉ - Quán cùng vận dụng nên các duyên có thể hủy hoại. An nhiên cũng như Biển trong lặng.

Sớ câu: “Kinh đại Bát Niết-bàn cũng có số lượng này”: Tức nơi quyển thứ sáu, phẩm Như Lai Tánh, nói về nghĩa của bốn nường dựa. Phần sau của đoạn kinh ấy viết: “Bồ-tát Ca Diếp bạch Phật: Thế Tôn! Lúc chánh pháp suy diệt, chánh giới bị hủy hoại, phi pháp tăng trưởng, chúng sinh không theo đúng như pháp, thì ai là người có thể nghe hiểu thọ trì, đọc tụng được thông suốt, cùng cúng dường, cung kính, biên chép, giảng giải về kinh điển Đại thừa này?” Phần sau chỉ dùng ý để nêu dẫn. Bấy giờ Phật khen Bồ-tát Ca diếp: Lành thay! Lành thay! Thiện nam! Ông có thể hỏi về ý nghĩa như thế!

Thiện nam! Như có chung sinh, ở nơi chỗ một hàng hà sa Phật phát tâm Bồ đề mới có thể ở đời xấu ác chẳng hủy báng kinh này. Nhưng chẳng thể vì người khác phân biệt giảng nói rộng. Hoặc ở nơi hai hàng hà sa Phật phát tâm Bồ đề, mới có thể ở đời xấu ác chẳng hủy báng mà vui thích tin tưởng, thọ trì đọc tụng, cũng như không thể vì người khác giảng nói rộng. Hoặc ở chỗ ba hàng hà sa Phật phát tâm Bồ đề, gồm đủ đức của người thứ hai, tuy đã vì người khác giảng nói nhưng chưa hiểu được ý nghĩa sâu xa. Hoặc ở chỗ bốn hàng hà sa Phật phát tâm Bồ đề, cũng gồm đủ các đức ở trước vì người khác giảng nói rộng về ý nghĩa của một phần trong mười sáu phần tuy lại diễn nói nhưng cũng chưa đầy đủ. Hoặc ở nơi năm hàng hà sa Phật phát tâm Bồ đề, có thể vì người

khác giảng nói rộng về ý nghĩa của tám phần trong một sáu sáu phần. Hoặc ở nơi bảy hằng hà sa Phật phát tâm Bồ đề, vì người khác thuyết giảng rộng về ý nghĩa của mười bốn phần trong mười sáu phần. Như có người ở nơi tám hằng hà sa Phật phát tâm Bồ đề, sau đấy mới có thể ở trong cõi đời xấu ác chẳng hủy báng pháp này, lại thọ trì đọc tụng, biên chép kinh thành quyển, cũng khuyến khích người khác được biên chép, tự mình có thể lãnh hội, thọ trì thông suốt v.v...”.

Nhưng kinh chỉ có tích chứa từ một đến tám. Nói ba mươi sáu chính là chọn lấy nghĩa: Một trên thêm hai là ba, ba trên thêm ba là sáu, sáu trên thêm bốn là mười, mười trên mười thêm năm là mười lăm, mười lăm trên thêm sáu là hai mươi mốt, hai mươi mốt trên thêm bảy là hai mươi tám, hai mươi tám trên thêm tám là ba mươi sáu, đó là phần tích chứa tám người, hai, ba, bốn lần cộng là ba mươi sáu. Tuy là chọn lấy nghĩa nhưng lý ấy ứng hợp.

Sớ câu: “Thiên nữ nói”: Tức nơi kinh Tịnh Danh, phần trước đã dẫn.

Sớ câu: “Nên văn nói về Trụ kia viết”: Phát ra âm thanh biến hiện khắp chốn rộng lớn: Tức là một câu trong mười pháp thắng tiến.

Sớ câu: “Thứ tám là Tiên nhân Tỳ Mục dựa nơi Đồng chân trụ”: Tức tâm không sinh điên đảo, không dấy khởi tà quỷ phá hoại Tâm Bồ đề.

Sớ câu: “Chính như phương này gọi là câu Thu. Cho đến câu: Phần còn lại như nơi sách Âm Nghĩa”: Sách Âm Nghĩa viết đầy đủ là: “Cây Thu, phần sau nói: Nhưng cây ấy có hơi thơm, hoa sắc tím, trái như trái Tỳ Bà”. Nêu đủ là: “Lá như lá cây Liễu ở phương này. Quả giống như quả Tỳ Bà, về chủng loại là giống cây sống lâu, có thể xem là loại cao lớn nhất trong các thứ cây!”

Sớ câu: “Chấp tay là biểu thị về nghĩa trao cho”: Là căn cứ nơi giáo tướng mà nói.

Nói: “Cùng nhau tóm có lực”: Tức căn cứ nơi lý của nghĩa mà nêu. Trên là chung cho các Giáo. Ở đây nơi kinh Hoa Nghiêm, thì Tri thức có lực, Thiện Tài không lực. Có Lực nhau tóm không Lực. Cho nên nhờ nơi Thiện tri thức khiến Thiện Tài được thấy. Nếu Thiện Tài có lực, thì Tiên nhân không lực, Lực nhau tóm không Lực, nên chỗ chứng đắc cuat Tiên nhân, Thiện Tài đều đạt được, do đó, cùng nhau tóm lẫn nhau.

Sớ từ câu: “Văn có mười câu đối với năm đối” tiếp xuống: Văn nơi phần Sớ giải có ba:

Một: Biện minh tổng quát về tướng chung.

Hai: Từ câu: “Nhưng đối thứ nhất” tiếp xuống: Là giải thích mở rộng. Tức không có phần tổng quát của Thắng Tràng, là chủ thể tăng trưởng thứ nhất. Bốn thứ còn lại đều là lần lượt, đều do đối tượng được tăng trưởng chuyển làm chủ thể tăng trưởng.

Ba: Từ câu: “Nếu căn cứ nơi chủ thể soi chiếu” tiếp xuống: Là dựa theo chỗ chung riêng để giải thích phần tổng quát của không có Thắng Tràng, bao hàm nơi năm nghĩa. Chủ thể của một nghĩa thứ nhất, tuy nêu lên một cách gọi chung, tức thọ nhận tên riêng. Vì thế nói: Chủ thể soi chiếu đều là nghĩa riêng trong phần chung. Xét kỹ có thể nhận thấy.

Sớ câu: “Là do Thiện Tài trong một đời có thể hoàn thành việc hành hóa của nhiều kiếp”:

Tức diệu lực của Thiện tri thức, chỉ trong thời gian chớp mắt, hoặc chỗ thấy có Phật, trải qua số lượng kiếp nhiều như số vi trần nơi cõi Phật chẳng thể nói chẳng thể nêu, tu hành không mệt mỏi, thì sao có thể một đời mà chẳng trải qua nhiều kiếp. Diệu lực của Tiên nhân dài ngắn tự tại... Đã có thể cho dài là ngắn thì cũng có thể cho ngắn là dài. Như Chu Mục tùy nơi người huyện, tuy trải qua nhiều năm mà thật sự chỉ trong chớp mắt, do vậy, phần tóm kết nói: Chẳng nên dùng thời gian ngắn dài, nơi chốn rộng hẹp để xác định về diệu chỉ.

Sớ câu: “Biểu thị việc khéo nhận biết về ba đời nên dài, khéo nhận biết về thắng nghĩa nên thẳng”:

Tức nêu dẫn về nghĩa nơi Trụ thứ chín. Lại như kinh viết: “Bồ-tát này khéo nhận biết về mười thứ pháp. Những gì là mười? Đó là khéo nhận biết về sự thọ sinh của các chúng sinh. Khéo nhận biết về phiền não hiện khởi của các nghiệp. Khéo nhận biết về Tập khí tương tục. Khéo nhận biết về phương tiện hành hóa. Khéo nhận biết về thế giới sai biệt. Khéo nhận biết về các sự việc của đời trước đời sau. Khéo nhận biết về chỗ diễn nói về Thế đế. Khéo nhận biết chỗ giảng nói về Đệ nhất nghĩa”.

**Giải thích:** Nếu dựa theo sự thật thì chỉ chọn lấy câu thứ tám và câu thứ mười. Nếu theo tướng chung mà nói thì từ câu thứ mười, phần còn lại đều là pháp của ba đời.

Sớ câu: “Thứ chín là Thiện tri thức Thắng Nhiệt, dựa nơi Vương tử trụ”:

Tức từ nơi giáo pháp của Pháp Vương phát sinh lãnh hội chân chính, có thể nối tiếp quả vị Phật.

Sớ câu: Nên Trí Luận nói: “Bát-nhã Ba-la-mật như khối lửa lớn”:

Tức nơi quyển thứ hai mươi.

Sớ câu: “Lại giải thích đạo là Đoạn đức v.v...”:

Trên chỉ căn cứ nơi

Bát-nhã nên nói trước hết. Từ đây trở xuống tức ba đức nơi Niết-bàn. Núi đao là đức giải thoát. Lửa là đức Bát-nhã, lý tức là Pháp Thân.

Sớ từ câu: “Nay nói về phần một. Nhưng núi đao chẳng có thể cầm lấy” tiếp xuống: Văn nơi phần Sớ giải gồm ba:

Một: Trực tiếp dung hợp ý của văn. Tức dựa theo phần trước, căn cứ nơi Bát-nhã đã nói ở trên. Bát-nhã có thể thành tựu các Hạnh.

Hai: Từ câu: “Trong đó, chỉ rõ về” tiếp xuống: Là nêu chung về ý nghĩa thâm diệu của ba đức.

Ba: Từ câu: “Nhưng có năm nghĩa” tiếp xuống: Là chia môn để giải thích riêng.

Thứ nhất: Nói: “Các bộ Bát-nhã, về văn chẳng phải là một”; Trong văn đã nói rộng về ba đức, bốn điền đảo thủy đều thanh tịnh. Nói rộng về Tham, Sân, Si, tánh đều vắng lặng.

Thứ hai: “Như kinh Tịnh Danh nói: Hành nơi chẳng phải là đạo”: Tức nơi quyển thứ hai, Phẩm Phật đạo. Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hỏi Duy Ma Cật: Bồ-tát làm thế nào để thông đạt nẻo hành hóa. Trưởng giả Duy Ma thưa: Bồ-tát hành hóa nơi chẳng phải đạo là thông đạt nẻo hành hóa của Phật. Lại hỏi: Thế nào là hành hóa nơi chẳng phải đạo là thông đạt nẻo hành hóa của Phật? Đáp: Bồ-tát hành hóa nơi năm tội Vô gián mà không nào hại giận dữ, đến nơi địa ngục mà không có các cấu uế của những tội ác. Đến súc sinh mà không có Vô minh, đến A-tu-la mà không có kiêu mạn, đến Ngạ quỷ mà vẫn đủ pháp Phật. Cho đến thị hiện sự giận dữ mà luôn thương xót...” đều nói thị hiện sự hành hóa tức huyễn dụng để nhiếp phục chúng sinh.

Lại nói: “Thế nào là hạt giống của Như Lai?” Bồ-tát Văn Thù đáp: Thân thể hiện hữu là hạt giống của Như Lai. Vô minh với Ái là hạt giống của Như Lai. Tham, sân, Si là hạt giống của Như Lai v.v...”. Phần kết nói: “Sáu mươi hai thứ kiến chấp, tất cả phiền não đều là hạt giống của Phật. Hỏi: Đại sĩ nói như vậy là thế nào? Đáp: Nếu thấy Vô vi, nhập nơi chánh vị, thì không còn có thể phát tâm vô thượng Bồ đề được nữa. Ví như đất liền nơi vùng cao không thể mọc lên hoa sen v.v... Đều là Bồ-tát huyễn dụng để hóa độ chúng sinh.

Nói: “Trước dùng dụ để dẫn dắt”: Cũng là kinh Tịnh Danh, phẩm ấy. Trưởng giả Duy Ma đáp lại câu hỏi quan trọng của Bồ-tát Phổ Hiện Sắc Thân. Kinh viết:

*“Thị hiện hưởng năm dục  
Cũng lại hiện tu Thiền  
Khiến tâm Ma bối rối*

*Chẳng thể tạo cơ hội  
 Hoa sen sinh trong lửa  
 Đáng gọi là ít có  
 Tại đục mà hành Thiên  
 Cũng ít có như thế!  
 Hoặc hiện làm tâm nữ  
 Dẫn dụ kẻ háo sắc  
 Trước dùng đục móc kéo  
 Sau khiến vào đường Phật”.*

Đã nói “Thị hiện tạo ra” tức nêu rõ là Huyền dụng.

Thứ ba: “Ba là ở nơi hoặc dụng tâm”: Là do thói Tục mang vợ ẵm con, nghiệp thường là thế. Chưa có thể xả bỏ sự việc ấy, nên trước là dụng Tâm, khiến thấu rõ Tánh Không, chỉ là vọng niệm của ngã, chưa được tự tại, chẳng phải cho là phải. Khiến hoặc giảm dần nên có thể xa lìa. Phần trên, kinh cũng nói: “Bồ-tát nơi nhà, cùng với vợ con, chưa từng lìa bỏ, Tâm Nhất Thiết Trí”.

Thứ tư: “Giữ lấy Hoặc làm tăng trưởng đời sống”: Trước nơi phẩm Xuất Hiện đã giải thích.

Câu: “Như Kinh Tịnh Danh nói: Chẳng vào biển lớn sinh tử:” Trước đây, là phân dụ nêu: “Ví như chẳng vào biển lớn thì chẳng có được châu báu vô giá”. Phần Sơ giải chỉ hợp văn.

Thứ năm: “Tướng trạng hiện có tức là đạo”: Là Thể của đạo nên Lý không hai vị, không có một pháp nào không phải là pháp Phật.

Nói: “Chẳng thể nghĩ bàn”: Là tán thán về Tướng chung. Chẳng thể tạo đục cùng tư duy nên dẫn văn của kinh Vô Hành. Trước từng sử dụng một lần, chọn lấy Tánh không của đục tức dùng nghĩa thứ nhất. Nay chọn lấy “tức đạo”, cũng như Trí Luận quyển thứ bảy: Bồ-tát Hỷ Căn vì Bồ-tát Thắng Ý mà nói kệ:

*“Dâm đục tức là đạo  
 Giận, Si cũng lại thế  
 Trong ba sự như vậy  
 Vô lượng các Phật đạo  
 Nếu có người phân biệt  
 Dâm, Giận, Si cùng đạo  
 Người ấy cách xa Phật  
 Ví như trời cùng đất  
 Đạo cùng dâm, Giận, Si  
 Là một pháp bình đẳng*

*Nếu người nghe sợ hãi  
 Cách Phật đạo rất xa  
 Pháp dâm chẳng sinh diệt  
 Chẳng thể khiến tâm loạn  
 Nếu người chấp tôi ta  
 Dâm liền vào nẻo Ác  
 Thấy có không khác hành  
 Là chẳng là không, có  
 Rõ có, không bình đẳng  
 Vượt hơn thành Phật đạo”.*

Cùng nói hơn bảy mươi kệ đều là nghĩa: “Tức đạo”. Bồ-tát Hỷ Căn hiện tại ở nơi phương Đông, vượt quá mười ức cõi Phật, làm Phật, quốc độ cũng hiệu là Bảo Tạng, Phật hiệu là Quang Dụ Nhật Nguyệt Vương. Bồ-tát Văn Thù nói: Tỳ kheo Thắng Ý chính là thân ta. Bấy giờ do không tin nên thọ nhận vô lượng khổ. Phật hỏi: Nghe kệ đặc đạt được lợi ích gì? Đáp: Có thể dứt hết mọi thứ khổ, đời đời căn trí lanh lợi, lãnh hội được pháp thâm diệu”.

Sớ từ câu: “Ở trên nói nghi là phân biệt về chân giả” tiếp xuống: Văn nơi phần Sớ giải gồm năm:

Một: Giải thích trực tiếp về ý của kinh.

Hai: Từ câu: “Ma cũng có thể làm” tiếp xuống: Là nêu bày nghi ngờ, vấn nạn.

Ba: Từ câu: “Do Thiện tri thức ấy” tiếp xuống: Là giải thích.

Bốn: Từ câu: “Nếu thế thì do đâu” tiếp xuống: Là nối tiếp để phát sinh nghi.

Năm: Từ câu: “Là để hiển bày pháp” tiếp xuống: Là giải thích, làm rõ về ý nghi ngờ.

Sớ câu: “Nên kinh Tịnh Danh nói: Thọ nhận các xúc như Trí chứng”: Tức nơi quyển một, chương Tôn giả Ca Diếp. Nghĩa là Trí chứng thật tướng, là xúc mà chẳng phải là xúc. Xúc mà chẳng phải là xúc. Thọ cũng như thế. Tâm Cảnh cùng khế hợp sâu xa là sự chứng đắc đích thực.

Sớ câu: “Biểu thị cho sự chấn động”: Đoạn kinh kia viết: “Phật tử! Thế nào là Bồ-tát Quán đỉnh trụ? Bồ-tát này thành tựu mười thứ Trí. Những gì là mười? Một là làm chấn động vô số thế giới. Hai là chiếu sáng. Ba là giữ vững. Bốn là đi đến. Năm là làm nghiêm tịnh. Bốn câu trên đều giống với câu một. (Có câu: Vô số thế giới)

Sáu là: Mở bày, chỉ rõ cho vô số chúng sinh.

Bảy là: Quán xét vô số chúng sinh.

Tám là: Biết rõ về căn trí của vô số chúng sinh.

Chín là: Khiến cho vô số chúng sinh hưởng nhập.

Mười là: Khiến cho vô lượng chúng sinh được điều phục.

Nay dùng “Vô úy” là xuyên suốt mười câu ấy.

Sớ câu: “Thứ mười là đồng nữ Từ Hạnh dựa nơi Quán đỉnh trụ”: Từ trước quán Không, đạt được Tâm vô sinh, là đứng đầu, hơn hết. Nước pháp của chư Phật rưới lên đỉnh đầu.

Sớ câu: “Trong kinh Bát-nhã nói: Thấu rõ sắc là Bát-nhã”:

Tức ý nơi kinh Đại Phẩm. Trải qua đầy đủ các pháp thì thứ nhất là trải quá nơi năm Ấm. Cho nên nói thấu rõ Sắc là Bát-nhã. Hết thấy pháp đều hướng đến sắc. Sắc hãy còn chẳng có thể đạt được, thì làm sao có được việc hướng đến, chẳng phải là hướng đến? Như thế, trải qua đủ các pháp đều vậy. Như ý của Bát-nhã giống như cho Tánh của các pháp chẳng khác với Tánh của sắc, nên đều hướng đến sắc: Sắc còn chẳng có thể đạt được, chính vì Tánh của các pháp là Không, đã Không có đối tượng để hướng đến thì sao có Chủ thể hướng tới? Nếu là ý của đại sư Trí Giả thì “Hết thấy pháp hướng tới sắc” là Giả quán. “Sắc hãy còn chẳng thể nắm bắt” là Không quán. “Làm sao có thể hướng đến, chẳng phải là hướng đến” là trung đạo quán. Nay, phần Sớ giải dùng ý nên chỉ cần câu đầu, do cho Tánh của sắc là chỗ dựa của các pháp, do Tánh thâm gồm khắp nên đều hướng đến sắc. Tức trong một sắc đã gồm đủ tất cả pháp. Là ý của sự sự vô ngại. Cho nên, tùy nơi một pháp đều gồm thâm cả pháp giới, do đó, có thể dựa nơi quả trong mỗi mỗi Cảnh đã có đủ các sự trang nghiêm. Tức trang nghiêm thuộc về Quả, dùng Quả để biện minh về Nhân, gọi là trang nghiêm khắp.

Ý thứ hai tức Nhân tự trang nghiêm.

Sớ từ câu: “Nói ba mươi sáu hằng sa” tiếp xuống: Tức chỉ căn cứ chỗ biểu thị về nghĩa. Nếu căn cứ nơi sự để giải thích thì như nơi văn nói Ưu bà di Hưu xả ở trước.

Sớ câu: “Lại, kia là chung đây là riêng”: Tức trong địa kinh chỉ nói: “Vô lượng trăm ngàn A-tăng-kỳ môn Đà-la-ni. Môn Giải thoát, môn Tam muội cũng thế”. Nếu như có nêu ra thì chỉ nêu ra mười. Nay có một trăm mười tám môn Tổng trì, nên gọi là riêng.

Sớ từ câu: “Dùng ba Mắt nêu trên” tiếp xuống: Là giải thích tên gọi ấy.

Phần văn chính thứ ba nói về mười Hành vị.

Sớ câu: “Một là Tỳ kheo Thiện Kiến dựa nơi Hoan hỉ hành”: Bồ



thí, tạo sự vui thích nơi mình và người khác, nên gọi là Hoan Hỉ.

Sớ câu: “Hai thứ đầu căn cứ nói Bồ-tát là một đối về Lý trí.

Thứ nhất: Chỗ giống của Báo Thân khó nhận biết, như nơi phẩm Hội Hưởng đã nêu.

Thứ hai: “Vọng tưởng là nhân, tức Vô tánh”. Vọng tưởng là nhân giải thích trụ dựa nơi Tưởng. Tức chữ Vô tánh là giải thích về sự thâm diệu. Cho nên kinh Lăng Già viết: “Trước là đối tượng được nhận biết của Thánh nhân chuyển biến, cùng truyền trao vọng tưởng Vô tánh”. Đây là cảnh giới của Thánh trí tự giác ngộ, nên hết mực thâm diệu.

Sớ câu: “Ba là hành nghiệp của phần nhiệm” là căn cứ ở chúng sinh. Như một sợi lông chim khổng tước, là tướng nhân của tất cả loại.

Sớ câu: “Bốn là Cảnh nơi Thức dị Thục”: Hành tướng sâu xa, vi tế nên kinh nói: Thức A-đà-na là hết mực sâu xa, vi tế. Cũng như kinh Lăng Già đã nêu trên. Phần tiếp sau nói tu tập, chiếu thấy tự tâm với sự sinh diệt nối tiếp không dừng. Kinh viết: “Các thức có hai thứ sinh: Là Lưu chú sinh và tương sinh. Có hai thứ Trụ: Là Lưu chú trụ và Tương trụ. Có hai thứ diệt: Là Lưu chú diệt và Cùng diệt. Các bậc cổ đức đồng giải thích: “Lưu chú” là tám Thức tương tục. Nhưng về Tương có ba thứ, như trước đã dẫn. Nay ở đây tức “Lưu chú” của Sát na, so với trên là “chiếu thấy tự Tâm với sinh diệt lưu chú” thì nghĩa phù hợp. Nếu luôn soi chiếu để nhận thấy về nẻo Vô tánh kia, tức là Thánh trí tự giác ngộ.

Sớ câu: “Năm là Ảnh, Tượng vốn được chỗ biến hiện”: Tướng phần tức là Ảnh, Tượng. Thức thứ tám duyên nơi ba thứ Cảnh. Cảnh tức là Tướng phần. Nghĩa là chủng tử, căn thân tức Cảnh bên trong, khí thể gian tức cảnh bên ngoài. Tâm sở biến hiện đều là bên trong. Sắc là chỗ hiện bày cả hai. Ảnh cũng chung cho trong, ngoài. Ngoài tức có năm Trần. Trong tức có năm Căn.

Sớ câu: “Sáu là tên gọi không đạt được công dụng của vật”: Đã thấy nơi văn ở phần trước.

Sớ câu: “Bảy là văn tự, ngôn thuyết đều là giải thoát”: Là nơi kinh Tịnh Danh, Thiên nữ biện luận với Tôn giả Xá lợi phất, như đã dẫn ở phần trước.

Sớ câu: “Đều là trang nghiêm pháp giới mà không có trang nghiêm”: Tức nơi kinh Kim Cương viết: Trang nghiêm quốc độ của Phật, tức chẳng phải là trang nghiêm, đó gọi là trang nghiêm”. Nghĩa là tuy lại trang nghiêm mà không có Tâm của chủ thể trang nghiêm, nên xứng hợp với thật lý. Sự, Lý không ngăn ngại mới là trang nghiêm đích thực. Hai câu còn lại có thể nhận biết.

Nói: Gồm chung hai phần trên” tiếp xuống: Là tóm kết chỗ tùy thuộc của pháp.

Sớ câu: “Đây tức chỉ là một Tướng”: Do Tấn kinh hợp chỗ thù thắng, vì diệu của Thân kia thuộc nơi cây Ni Câu Đà ở sau, nên kinh hiện tại có hai tướng kinh kia chỉ thành một.

“Nhưng như Ni Câu đà”: Tức cành nhánh toả rộng, so với sự cao vút ở trên là tướng xứng...

Sớ câu: “Nêu rõ về Tướng của Tâm”: Về Tướng của thế gian cũng có ba loại:

Một: Tướng của Sắc.

Hai: Tướng của Âm thanh.

Ba: Tướng của Tâm.

Tướng của Tâm là hơn hết. Nhưng có thể tu hành, bao hàm chỗ mở rộng về nhân ái, thi ân, là Tướng thù thắng.

Nay ở đây chính là biện minh về tướng nơi Tâm của Bồ-tát.

Nói: “Tức Chỉ, Quán cùng vận hành”: Tức hai câu đầu của kinh nêu lên, chỉ rõ về Chỉ, Quán. Thứ một Trí Tuệ là Quán. Thứ hai: Từ câu: “Ở nơi các cảnh” tiếp xuống: Tức là Chỉ.

Từ câu: “Chỉ quá mức” tiếp xuống: Là giải thích.

Từ câu: “Hoặc Trầm, hoặc Cử” tiếp xuống: Là văn của kinh. Nhưng Trầm, Cử lược có hai thứ:

Một là Hôn trầm, Trạo cử. Tướng ấy tức thô. Nay không bàn về chỗ này.

Hai là Trầm, Cử vi tế. Tức như phần Sớ giải đã biện giải.

Hoặc Tĩnh không bỏ sót soi chiếu, Động mà chẳng lìa tịch. Tức là cùng vận hành, chẳng trầm, chẳng cử, nên gọi là Chánh thọ hiện tiền. Tuy nhiên, kinh nói: “Tất cả đều dứt bật” là bao quát chung cả bốn đối trên. Mà Sớ giải thích về bốn đối là hiển bày riêng. Trên là giải thích đối thứ nhất: “Hoặc Trầm hoặc Cử”.

Hai là: Chẳng Trí chẳng Ngu tức cùng khế hợp với Trung đạo”; Là dùng phần sau “đều dứt bật”, “bao hàm” đây gọi là “Chẳng Trí chẳng Ngu”. “Hoặc Trí”, là nhắc lại phần Quán ở trước. Chẳng phải Trí là nhắc lại phần Chỉ ở trước. “Nay do đều dứt bật”, tức Chỉ, Quán cả hai cùng mất, là Chỉ Quán đích thực mới khế hợp với Trung đạo.

Ba là: Từ câu: “Dấy khởi niệm” tiếp xuống: Là giải thích động chuyển đều dứt. Như có Chỉ, Quán tức là động, chuyển. Nay do cả hai cùng mất nên không có động chuyển.

Bốn là: Từ câu: “Cùng chẳng phải là” tiếp xuống: Là giải thích

chữ “Hý Luận”.

Nói: “Cùng chẳng phải”: Tức chẳng phải là Chỉ, chẳng phải là Quán. Đây chính là lần thứ tư bài bác về Hý luận.

“Loại trừ lần nữa”: Là lại dứt bật cả phần “Cùng chẳng phải”. Nghĩa là chẳng phải, chẳng phải là Chỉ, Quán, do dấu vết chẳng mất như lấy vật này kéo vật kia ra, nên cùng là Hý luận. Nay do đều dứt bật nên Hý luận tự mất.

Trên chỉ là ngăn chặn lỗi lầm. Từ câu: “Đạt được Phật” tiếp xuống: Là hiển bày về sự thành tựu của đức, do đó, phần Số giải viết: “Tuy Chỉ, Quán cùng vận hành mà không Tâm, tịch tĩnh, soi chiếu. Cùng vận hành tức là cùng soi chiếu. “Không Tâm” tức là cùng ngăn chặn. Ngăn chặn, soi chiếu đồng thời dung thông bình đẳng tức là Cảnh giới của Như Như bình đẳng.

Thứ hai là Tự Tại Chủ ( đồng tử) dựa nơi Hành tạo lợi ích”: Ba Tự tịnh giới có thể tạo lợi ích cho mình và người nên gọi là “Tạo lợi ích”.

Số câu: “Trì giới là quả của đời hiện tại”: Giới kinh viết:

*“Người sáng hay giữ giới  
Nên được ba thứ vui  
Danh, tiếng cùng lợi dưỡng  
Chết được sinh cõi Trời”.*

Số câu: “Sông phước đức luôn tuôn chảy”.

Người chẳng giữ giới, ở nơi Cảnh có thể phạm đều có phần phạm, do giữ giới nên ở cảnh vô tận đều phát sinh phước đức thù thắng.

Số câu: “Bậc có Trí có thể hộ trì giới pháp”: Văn Thù chủ về Trí. Câu này cũng là nơi Giới Kinh. Kinh viết:

*“Cho nên quán xử như thế  
Có trí siêng hộ giới  
Giới tịnh có trí tuệ  
Nên đạt đạo đệ nhất”.*

**Giải thích:** Hai câu trên là dùng Trí làm nhân. Hai câu dưới là quả của Trí.

Số câu: “Biểu thị về bốn trọng, mười trọng”:

Bốn Trọng là chung nơi hai Thừa là Giới Biệt giải thoát. mười Trọng trở xuống là Đại thừa. Chỗ chung của bốn Trọng cũng chính là Đại thừa. Di Lạc thọ giới Yết Ma chỉ thọ bốn, chẳng thể hơn, tức bốn giới sau cùng trong mười trọng. Nghĩa là Keo kiệt, Giận dữ, Khen chê cùng hủy báng Tam bảo.

Số câu: “Thành năm Minh”:

Năm Minh ở đoạn sau trong phần nói về Nghiệp. Các tên gọi và thể trên chỉ là Thanh minh, trong đó nghĩa cùng như địa thứ năm đã nêu. Nay sẽ lược giải thích.

Sớ câu: “Hai là biện minh về nghiệp dụng, trong ấy gồm có ba phần. Thứ nhất là biện minh tổng quát”:

Văn của phần nêu tổng quát này cũng tức là sách vở của Thanh minh. Tức pháp trong Thanh minh được nêu bày, tạo lập “Danh Cú văn Thân”. Về toán số v.v... tức trong Thanh minh thường xuyên nêu bày, tạo lập, đối trị chung sự chấp giữ, trong ấy phát sinh nghi hoặc, tạo chướng ngại nơi Giới, Xứ. Pháp tức là Nhân minh. Kinh theo bản dịch mới, nói? “Đủ các thứ luận là Thể của Luận” tức Ngôn luận, Tránh luận v.v...

Sớ câu: “Biện giải xen lẫn về các Minh”: Tức nói về ba Minh còn lại.

Một: Y phương minh, đối với các thứ bệnh tật v.v... là tướng của Bệnh. Chỗ vương mắc nơi quý mị cũng là tướng của bệnh, cũng là nhân của bệnh, nhân nơi Quý mà sinh bệnh. Về khả năng chữa trị tức là dứt trừ. Chữ “Năng” (khả năng) cũng là đoạn trừ rồi thì chẳng sinh nữa.

Hai: Từ câu: “Cũng có thể tạo lập” tiếp xuống: Là Công xảo minh. Luận Du Già quyển thứ mười lăm đã nói đến mười hai thứ Công xảo. Nay lược nêu ra năm thứ:

Một là: Kinh doanh về công nghiệp.

Hai là: Do khéo luyện chế các thứ thuốc Tiên, tức công nghiệp điều chế hoà hợp.

Ba là: Khéo kinh doanh về ruộng đất, tức công nghiệp kinh doanh ngành nông.

Bốn là: Buôn bán, tức công nghiệp về mua bán giao dịch.

Năm là: Lại khéo nhận biết riêng về thân tướng của chúng, tức công nghiệp về xem tướng.

Còn bảy thứ công xảo không nói đến tức: Âm nhạc tính toán, thành tựu, nơi chốn, phụng sự vua, biến hóa, chú thuật.

Ba: Từ câu: “Tạo Thiện tạo Ác” tiếp xuống: Tức là Nội minh. Luận Du Già đề cập đến bốn thứ nêu bày tạo lập:

Thứ nhất: Sự.

Thứ hai: Lý.

Thứ ba: Thân nhận Thánh giáo.

Thứ tư: Chỗ nên biết của bậc Thánh.

Nay văn chỉ nêu rõ về Lý, trong đó gồm hai:

Một là: Nhận biết về nhân quả của sáu cõi.

Hai là: Từ câu: “Người này” tiếp xuống: Là nhận biết về nhân quả ba của Thừa.

Từ câu: “Như thế v.v...” tiếp xuống: Là tổng kết về bốn Minh còn lại. Nghĩa là Học tập, quyết định hoàn toàn tức là thâm nhận Thánh giáo. Chỗ nhận biết nơi Thánh giáo nên biện minh là Sự. Lý, Sự tức ba Tạng nên phần sau nhận biết về Toán số cũng thuộc về Thanh minh.

